CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va

Ngày 30/09/2025	15,250 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**2.3%**	**47.3%**

DT thuần
Q3/25
1,683
tỷ VNĐ
QoQ: ▼254| -13.1%
YoY: ▼327| -16.3%

LN thuần
Q3/25
-839
tỷ VNĐ
QoQ: ▼421| -101%
YoY: ▼4,505| -123%

LN sau thuế
Q3/25
-1,153
tỷ VNĐ
QoQ: ▼963| -507%
YoY: ▼4,103| -139%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-44.6%
YoY: +/-▼ 39.2%

ROE (TTM)
Q3/25
-8.3%
YoY: +/-▼ 8.8%

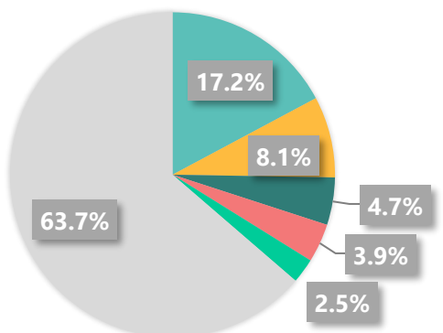
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,100 - 18,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	29,739
Số lượng CPLH (CP)	1,950,104,538
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,808,515
Sở hữu nước ngoài	8.7%
Beta	1.06
EPS	-1,943
P/E	-7.8

DT thuần
9T 2025
5,398
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,103| 25.7%

LN thuần
9T 2025
-1,118
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 151| 12.0%

LN sau thuế
9T 2025
-1,820
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2,557| 58.4%

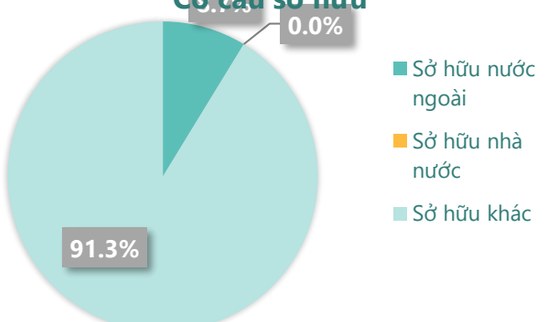
Cơ cấu cổ đông



- CTCP Novagroup
- CTCP Diamond Properties
- Bùi Thành Nhơn (Chủ tịch HĐQT)
- Bùi Cao Nhật Quân
- Cao Thị Ngọc Sương
- Khác

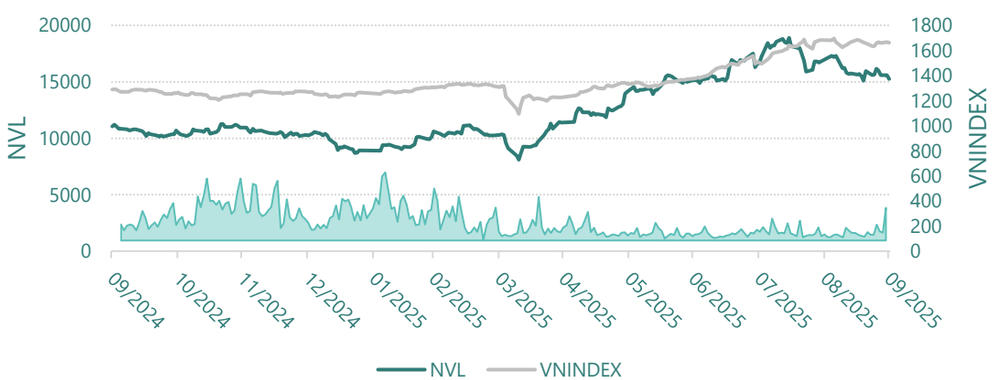
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



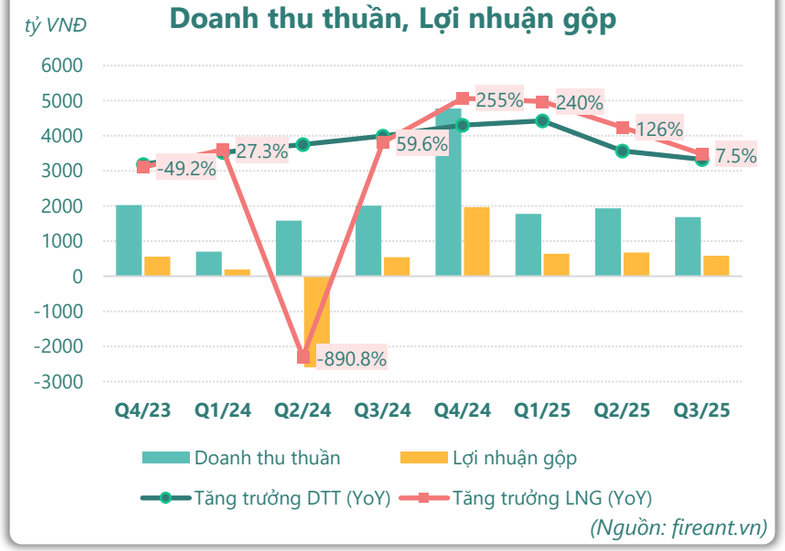
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



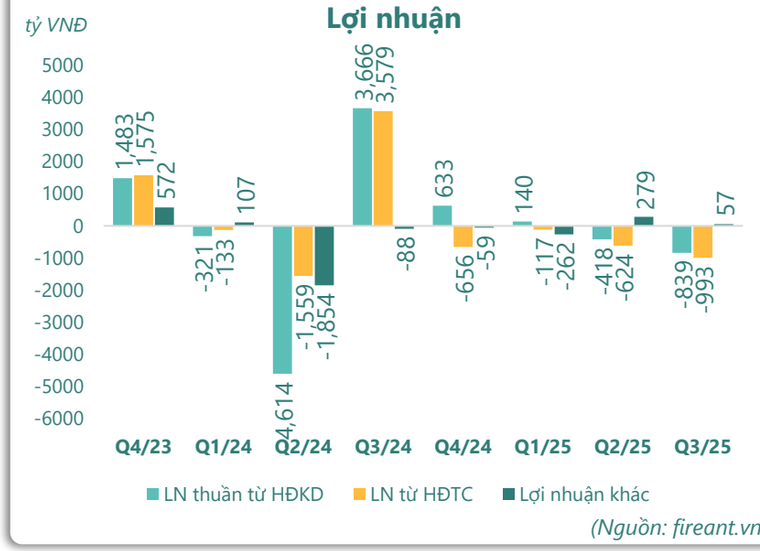
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



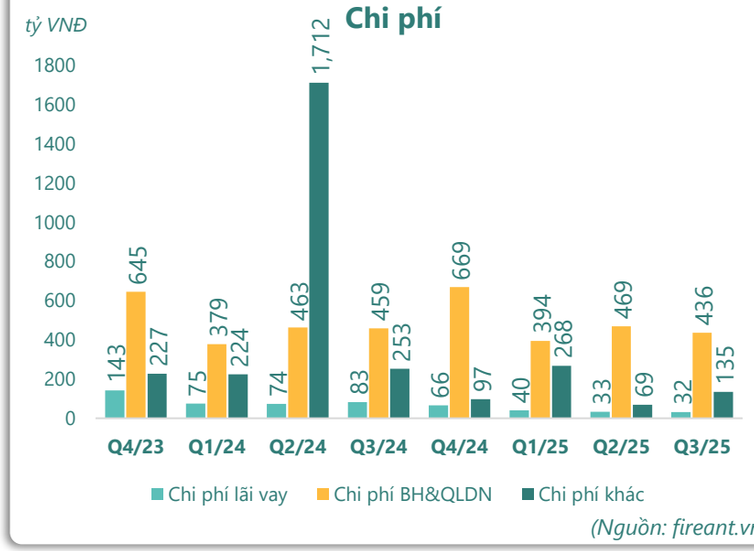
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



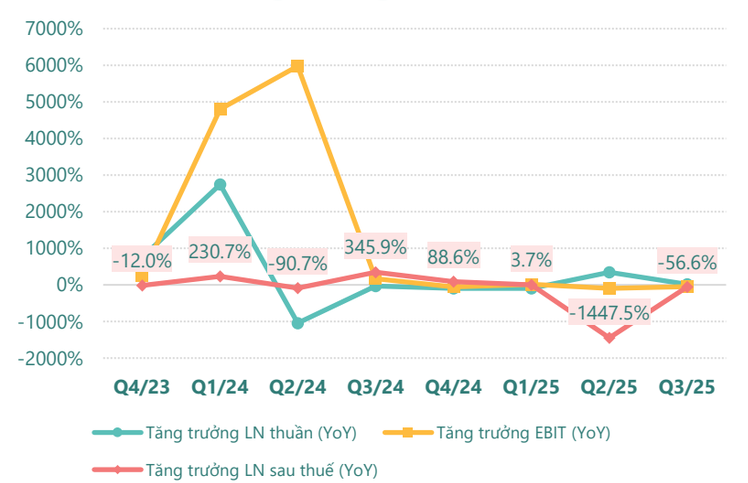
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



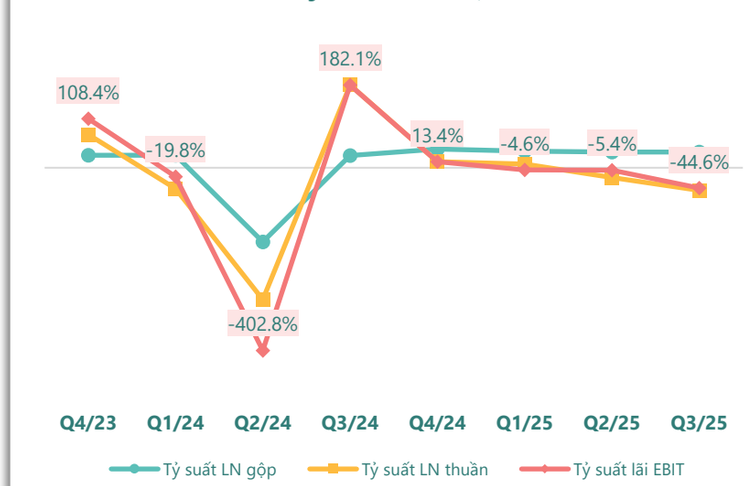
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



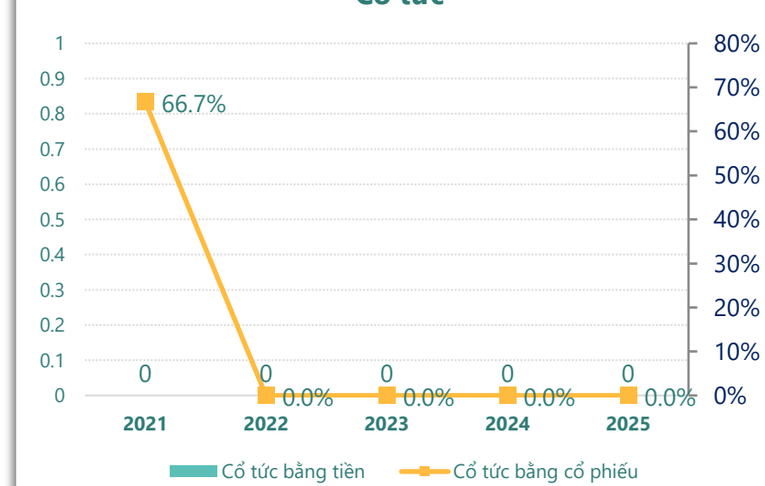
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

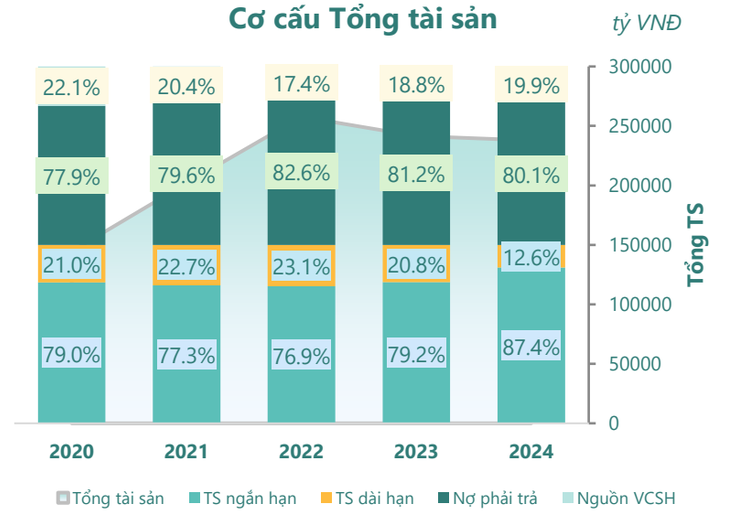
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

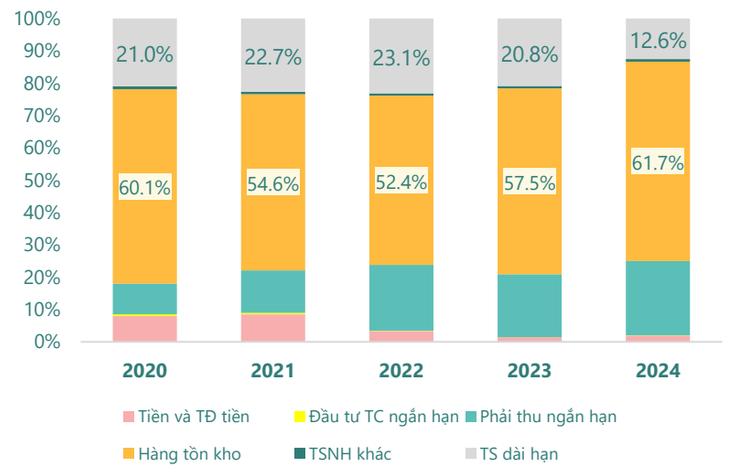
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



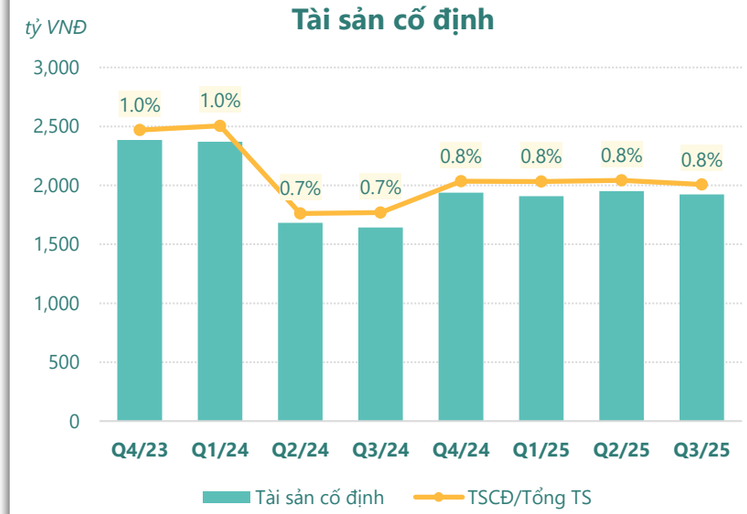
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



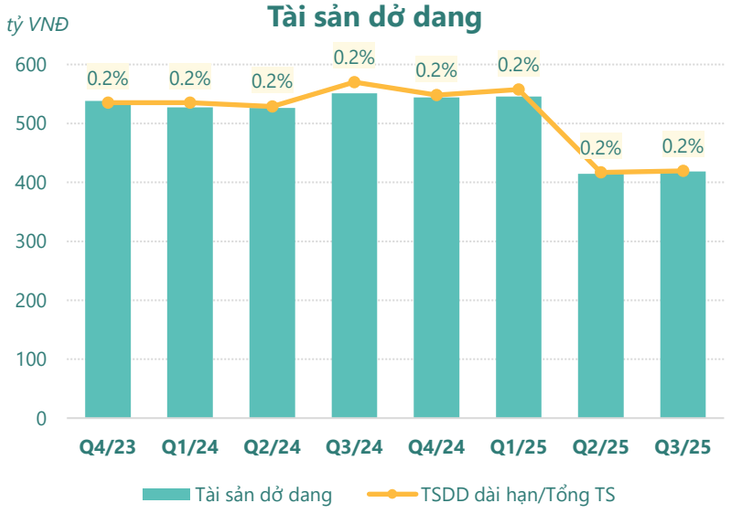
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



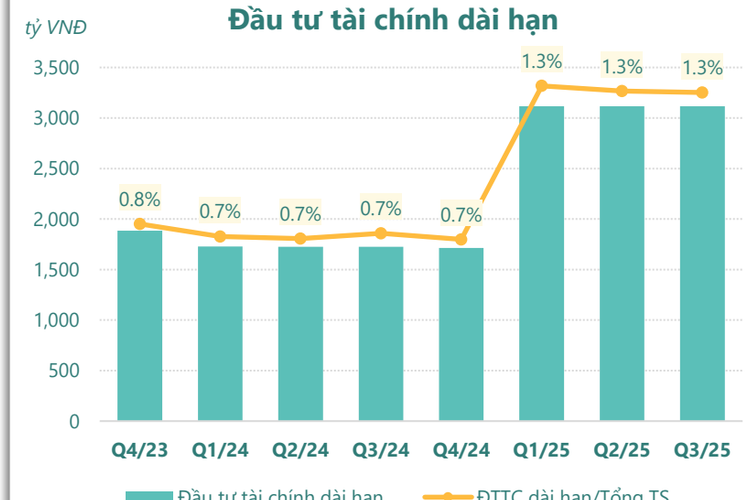
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



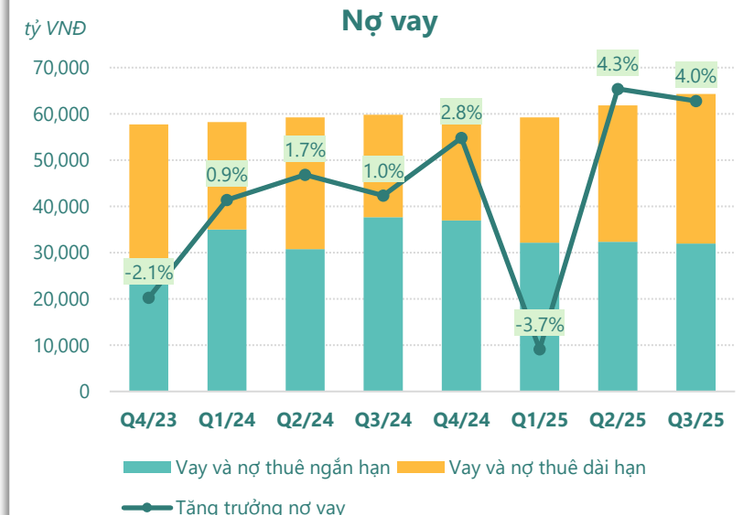
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

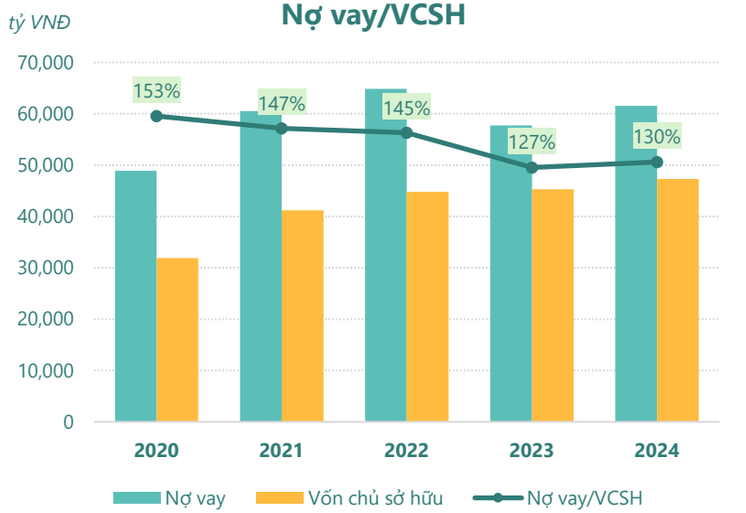
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

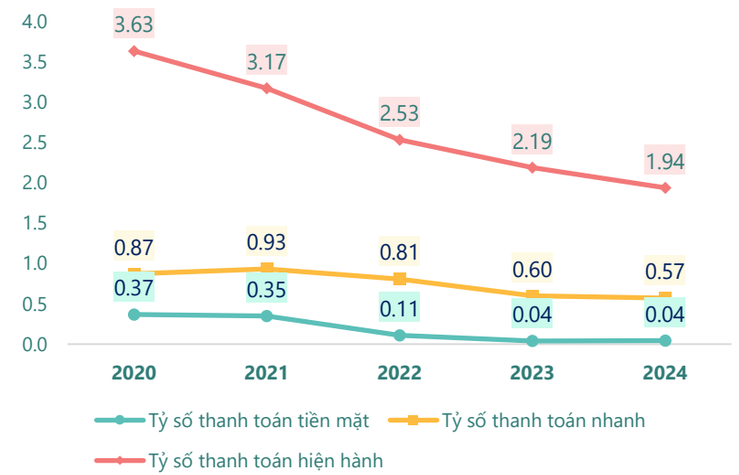
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



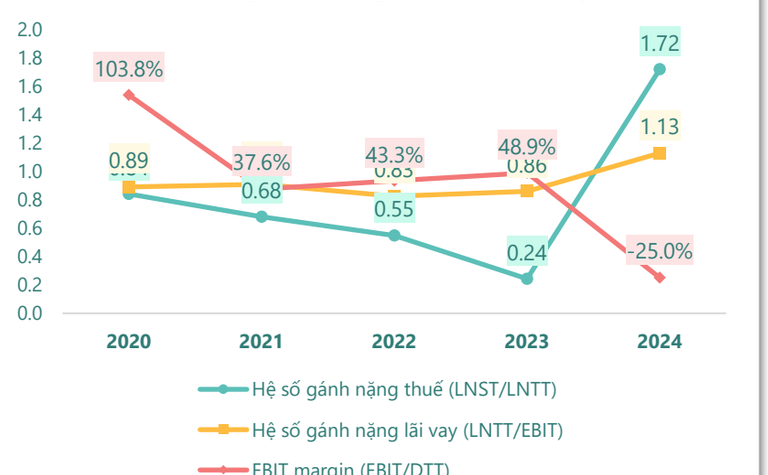
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



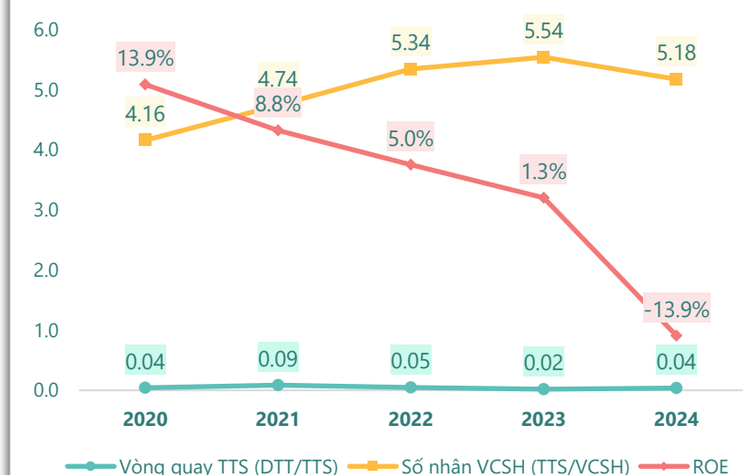
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



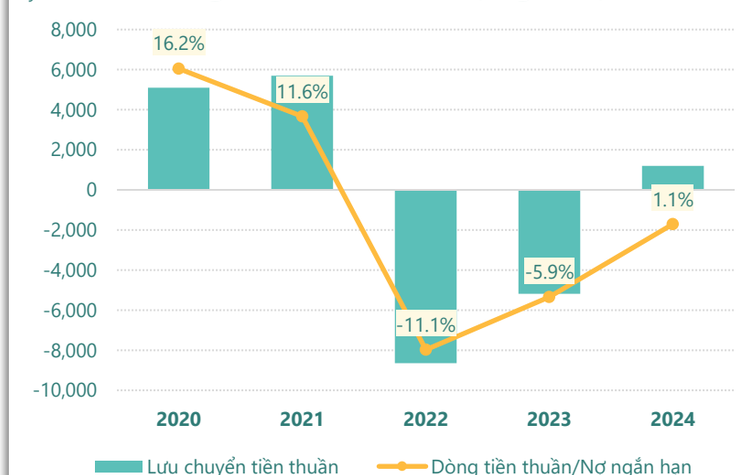
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,683**	**2,010**	**-16.3%**	**5,398**	**4,295**	**25.7%**
Giá vốn hàng bán	1,097	1,465	-25.1%	3,493	6,153	-43.2%
Lợi nhuận gộp	586	545	7.5%	1,905	-1,858	203%
Doanh thu HĐTC	456	3,898	-88.3%	1,484	5,343	-72.2%
Chi phí TC	1,449	319	354%	3,217	3,456	-6.9%
Chi phí lãi vay	31.6	83.0	-61.9%	105	232	-54.9%
LN trong công ty LKLD	**3.47**	**1.05**	**230%**	**9.92**	**3.16**	**214%**
Chi phí bán hàng	126	104	21.4%	372	246	51.0%
Chi phí QLDN	**310**	**355**	**-12.7%**	**928**	**1,055**	**-12.1%**
LN thuần từ HĐKD	-839	3,666	-123%	-1,118	-1,269	12.0%
Lợi nhuận khác	**57.1**	**-88.1**	**165%**	**74.7**	**-1,834**	**104%**
LN trước thuế	-782	3,578	-122%	-1,043	-3,104	66.4%
Lợi nhuận sau thuế	**-1,153**	**2,950**	**-139%**	**-1,820**	**-4,377**	**58.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-878**	**3,120**	**-128%**	**-1,482**	**-4,104**	**63.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1,619	-1,904	93.4	-836	-6,620	-1,627
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	51.1	2,482	-400	4,822	2,699	-851
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	575	1,097	1,095	-2,510	2,143	2,009
Tiền đầu kỳ	3,139	2,145	3,820	4,608	6,084	4,306
Lưu chuyển tiền thuần	**-994**	**1,675**	**788**	**1,477**	**-1,778**	**-468**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	2,145	3,820	4,608	6,084	4,306	3,838

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**239,575**	**237,778**	**0.8%**
Tài sản ngắn hạn	203,299	207,831	-2.2%
Tiền và tương đương tiền	3,838	4,608	-16.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	48.5	31.3	55.2%
Phải thu ngắn hạn	45,017	54,813	-17.9%
Hàng tồn kho	152,285	146,607	3.9%
Tài sản ngắn hạn khác	2,109	1,771	19.1%
Tài sản dài hạn	**36,276**	**29,947**	**21.1%**
Phải thu dài hạn	21,902	15,901	37.7%
Tài sản cố định	1,923	1,938	-0.8%
Bất động sản đầu tư	5,469	5,737	-4.7%
Tài sản dở dang	419	544	-23.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	3,115	1,709	82.2%
Tài sản dài hạn khác	**1,637**	**1,642**	**-0.3%**
Lợi thế thương mại	1,811	2,476	-26.8%
Nợ phải trả	188,761	190,487	-0.9%
Nợ ngắn hạn	**114,084**	**107,222**	**6.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	31,934	36,978	-13.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	7,931	8,467	-6.3%
Nợ dài hạn	74,676	83,265	-10.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	32,349	24,588	31.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**50,814**	**47,291**	**7.4%**
Vốn chủ sở hữu	**50,814**	**47,291**	**7.4%**
Vốn điều lệ	19,501	19,501	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)